

NGHIÊN CỨU VỀ NGƯỜI PHỤ NỮ, VỀ VẤN ĐỀ GIỚI VÀ SỰ THAM GIA CỦA CÁC KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂN VIỆT NAM

Lê Thi*

1. Cách tiếp cận nghiên cứu con người - người phụ nữ: Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Việc nghiên cứu con người, người phụ nữ, đối tượng của các ngành khoa học nói chung và khoa học xã hội nói riêng được đặt ra dưới *ba góc độ*:

- Con người, người phụ nữ, là *sản phẩm lịch sử tự nhiên*, cùng với bản chất tự nhiên là sự hình thành bản chất xã hội.

- Con người, người phụ nữ, là *chủ thể sáng tạo*. Con người *sáng tạo ra văn hóa*, những thành tựu văn hóa lại xây dựng, hoàn thiện nhân cách con người.

- Con người, người phụ nữ, *tự thân phát triển*, thông qua việc giải quyết những mâu thuẫn ở nhiều trình độ, giai đoạn khác nhau, từ đó ngày càng trưởng thành về thể chất, trí tuệ thông minh, đạo đức, thẩm mỹ.

Nghiên cứu người phụ nữ, *sáng tạo* như thế nào, sử dụng những khả năng vốn có, phát huy những tiềm năng còn ẩn dấu, hình thành những phẩm chất mới. Người phụ nữ với các *nhu cầu và lợi ích* đa dạng, lại có những *cách thức thoả mãn* những nhu cầu đó, tạo nên

những giá trị nhân văn mới.

Trong hoạt động cải tạo xã hội, cải tạo thiên nhiên, bản lĩnh chính trị, khoa học, kinh doanh, nghề nghiệp của người phụ nữ ngày càng vững vàng, giúp họ có thể thích nghi và thành công trong bối cảnh thế giới biến động không ngừng.

Về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đó là cách tiếp cận nghiên cứu người phụ nữ như *một tổng thể* và như một *bộ phận cụ thể, một cá thể riêng biệt*.

- Đặt người phụ nữ trong *một tổng thể chiều sâu* với phương pháp tư duy hiện đại, phức hợp, mạng lưới. Nghiên cứu người phụ nữ trong tổng thể của *môi trường tự nhiên, xã hội* (trời - đất - người hợp nhất) trong *hệ thống văn hóa*, trong mối quan hệ giữa cá nhân - tập thể - xã hội (ví dụ ở Việt Nam trong mối quan hệ giữa nhà - làng - nước), trong mối quan hệ giữa các tầng lớp dân cư với dân tộc và cả nhân loại.

- Đặt người phụ nữ trong *không gian và thời gian cụ thể*, nhận dạng con người trên *bề rộng* dưới các góc độ, cấp độ và theo *chiều dài lịch sử*: lịch đại và đồng đại.

- Nghiên cứu người phụ nữ từ tầm nhìn cụ thể của các chuyên ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội

*GS., Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

nhân văn như triết học, kinh tế, văn hóa, chính trị, đạo đức, tâm lý hay hệ tư tưởng, phong cách tư duy...

Về phương pháp nghiên cứu sử dụng *phương pháp nhân học*, khảo sát làm rõ bản chất và đặc tính toàn diện của con người. Phương pháp *đo chỉ số thông minh* con người nhằm thiết lập chỉ số phát triển của con người Việt Nam (HDI) và chỉ số phát triển giới (GDI), sử dụng *phương pháp điều tra xã hội học*, định tính và định lượng, *nghiên cứu lý luận* kết hợp với *điều tra thực tế, thực nghiệm*.

2. Nghiên cứu về người phụ nữ và về giới, sự khác nhau và mối quan hệ gắn bó, hỗ trợ cho nhau giữa hai nội dung nghiên cứu

2.1. Nghiên cứu về người phụ nữ trước hết cần xác định họ là *sản phẩm lịch sử tự nhiên* (như người đàn ông), là *chủ thể sáng tạo* (như người đàn ông).

Con người là sản phẩm lịch sử tự nhiên. Sự ra đời của loài người gồm có nam và nữ, họ cùng xuất hiện trong tiến trình phát triển của trái đất và của loài người. Câu chuyện hoang đường coi phụ nữ - Eva, là cái xương sườn của Adam do Chúa nặn ra sau khi đã tạo ra nam giới, nam giới ra đời trước nữ giới, nữ là một bộ phận cơ thể nam, và phụ thuộc vào nam. Câu chuyện khởi thủy có vẻ ngây thơ đó lại là nguyên cớ làm nảy sinh những phong tục tập quán, thiên kiến xã hội đề cao nam giới, chỉ coi *nam giới là chủ thể sáng tạo* còn *phụ nữ chỉ là đối tượng bị sai khiến và phải phục vụ*. Từ đó đã hình thành và củng cố những

quan niệm về *địa vị thấp hèn của phụ nữ* suốt bao thế kỷ, đòi hỏi ở người phụ nữ chỉ có *trách nhiệm và hy sinh*. Bởi vì họ *dốt nát* không có sáng kiến, *sinh ra để phục tùng, chịu đựng* sự chỉ huy của nam giới.

Simone de Beauvoir đã nói rất đúng rằng: người ta sinh ra không phải là phụ nữ (với ý nghĩa có sự phân biệt nam nữ về mặt xã hội) mà *trở thành* phụ nữ, do kết quả của những định kiến, những phân biệt đối xử trong lao động và hưởng thụ, trong học hành và nghỉ ngơi.

Vì vậy, việc nghiên cứu về người phụ nữ không thể tách rời việc nghiên cứu về giới, về sự bình đẳng giữa hai giới nam và nữ, *nguyên nhân* nảy sinh sự bất bình đẳng và *hậu quả* đem lại cho phụ nữ, cũng như cho sự phát triển chung của nhân loại, một khi lực lượng phụ nữ bị kìm hãm, chưa phát huy được đầy đủ những tiềm năng quý báu của họ cho việc cải tạo thiên nhiên, cải tạo xã hội.

2.2. *Nghiên cứu về phụ nữ, nghiên cứu về giới và bình đẳng giới, hai cách tiếp cận có sự khác nhau nhưng lại hỗ trợ, bổ sung cho nhau*

Đi từ việc nghiên cứu riêng về người phụ nữ đến việc nghiên cứu về giới và sự bình đẳng giới, là một quá trình tìm tòi gian khổ, lâu dài đối với các nhà hoạt động cho phong trào phụ nữ, các nhà khoa học nghiên cứu về phụ nữ, trong việc tìm ra con đường hữu hiệu nhất để nâng cao địa vị chính trị, kinh tế, xã hội của phụ nữ, đồng thời tạo ra sự đoàn kết, hỗ trợ giữa hai giới trong sự phát triển chung của nhân loại.

2.2.1. Trước hết cần có sự phân biệt giữa những đặc điểm về *giống* có tính tự nhiên với những đặc điểm về *giới* có tính xã hội, nghĩa là cần phân tích bản chất tự nhiên của con người và bản chất xã hội của họ.

Khi nói đến *giống* của con người (giống cái, giống đực) là đề cập đến cái vốn có từ khi con người sinh ra. Những đặc điểm tự nhiên của sự cấu tạo cơ thể nam nữ, bẩm sinh, không thể thay đổi được, chủ yếu ở bộ phận sinh sản, nữ có buồng trứng, dạ con để mang thai, sinh con, nam sản xuất ra tinh trùng góp phần hình thành thai nhi,... Việc chuyển đổi người đàn ông thành đàn bà bằng những loại thuốc kích thích chỉ là hình thức bề ngoài và không thể thay đổi được các bộ phận bên trong cơ thể như buồng trứng và dạ con.

Bản chất tự nhiên không quyết định được bản chất xã hội của con người. Sự phân biệt về *giống* giữa nam và nữ có tính tự nhiên và bẩm sinh không tất yếu dẫn đến sự phân biệt về *giới* có tính xã hội. Không phải ngay từ khi sinh ra, bé gái đã phải ăn mặc khác với bé trai, phải nói năng, chơi đồ chơi khác bé trai, và lớn lên cách đối xử, ứng xử của đàn ông khác đàn bà, lao động, hưởng thụ khác nhau. Đó chỉ là kết quả dần dần của việc giáo dục, đào tạo từ trong gia đình đến ngoài cộng đồng, cũng như ảnh hưởng của những định kiến, thiên kiến về giới. Đó là những điều thay đổi được và hiện đang được thay đổi ở nước ta và ở nhiều nước trên thế giới, để khôi phục lại vị trí người phụ nữ, nâng cao vai trò, địa

vị của họ trong xã hội.

Từ *giới* (Gender) không đồng nghĩa với từ *phụ nữ*. Khái niệm giới bắt nguồn từ cách cư xử của xã hội, từ những mong muốn gắn với bản tính của phụ nữ và của nam giới.

2.2.2. Nghiên cứu về phụ nữ khác với nghiên cứu về giới

Trong những nghiên cứu về phụ nữ, đối tượng duy nhất được xem xét là người phụ nữ và mối quan hệ của họ với gia đình và cộng đồng.

Những nghiên cứu về giới coi cả nam và nữ là hai đối tượng để xem xét chỗ mạnh, chỗ yếu của từng giới, những quan hệ của họ với nhau, trong lao động, sinh hoạt, hưởng thụ, địa vị, vai trò từng giới, nguyên nhân từ đâu có sự yếu kém của nữ so với nam, những thiệt thòi cần phải điều chỉnh... Điều này cũng có ý nghĩa là có những trường hợp nam bị thiệt thòi cũng cần có chính sách điều chỉnh, mà không phải chỉ nghiêng về phụ nữ. Thực hiện sự bình đẳng để cả hai giới cùng được giải tỏa, thoát khỏi những chèn ép về vật chất, tinh thần, cùng phát triển, cống hiến cho xã hội.

Một số nhà nữ quyền ngại rằng nếu tập trung nghiên cứu về giới thì sự quan tâm đối với phụ nữ dễ bị bỏ qua. Nghiên cứu về người phụ nữ có ưu điểm là tập trung vào những lợi ích riêng của họ, vốn thường bị bỏ qua trong quá khứ.

Nhưng việc nghiên cứu về giới đem lại triển vọng cần thiết để đặt lại vấn đề về những vai trò hiện tại của cả nam và nữ, ý nghĩa của những vấn đề phụ nữ, đồng thời lại có lợi cho việc

ngiên cứu về người đàn ông.

Cách tiếp cận "*Phụ nữ trong phát triển*" muốn đưa người phụ nữ vào trung tâm của quá trình phát triển xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho họ tiếp cận các nguồn lực, thông qua *những chương trình dành riêng cho phụ nữ*. Còn cách tiếp cận mới "*Giới và sự phát triển*" lấy cơ sở từ việc phân tích các vai trò và các nhu cầu của giới nam và giới nữ, để đem lại sự quan tâm đến cả hai giới trong các chương trình hành động.

Cách tiếp cận "*Giới và sự phát triển*" tạo cho phụ nữ các biện pháp nâng cao địa vị của họ, so sánh với nam giới. Điều này có lợi chung cho xã hội, nhìn về tổng thể. Bởi vì xóa bỏ sự bất bình đẳng về giới không chỉ có lợi cho phụ nữ mà có lợi cho cả nam giới, xét về lâu dài. Sự phát huy tiềm năng, khả năng của nữ giới sẽ đem lại nhiều lợi ích cho gia đình, cho xã hội, cho bản thân người đàn ông. Ví dụ người phụ nữ thông minh, tháo vát hơn, khoẻ mạnh hơn, tâm hồn bình yên hơn, điều này đâu chỉ có lợi cho riêng người phụ nữ, khi họ là người bạn đời, người vợ trong gia đình, người mẹ của đàn con.

Rõ ràng hai cách tiếp cận trên đây không loại trừ nhau, mà bổ sung hỗ trợ cho nhau, vừa nâng cao vai trò, địa vị người phụ nữ vốn bị thiệt thòi nhiều, đồng thời lại chú ý đến những quyền lợi thích đáng của nam giới.

Ngiên cứu về người phụ nữ trong sự so sánh giữa hai giới nam và nữ, về sự bình đẳng của họ trên mọi mặt hoạt động và hưởng thụ là điều chúng tôi

mong muốn các ngành khoa học xã hội và nhân văn góp sức vào, vì đó là hướng đi đúng đắn nhất, đem lại những kết quả có giá trị cả về lý luận và thực tiễn.

3. Các nhà khoa học xã hội Việt Nam và việc nghiên cứu về người phụ nữ, về giới và bình đẳng giới

3.1. Từ trước đến nay, phụ nữ vẫn là một đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn nước ta, nhưng chủ yếu dưới góc độ lịch sử và văn học. Các tác giả thường mô tả người phụ nữ trong gia đình, đề cập đến tình yêu nam nữ, tình vợ chồng, tình mẫu tử và luôn ca tụng sự hy sinh hết mình của phụ nữ trước những khó khăn, những sự phân biệt đối xử mà họ phải chịu đựng. Nhiều nhà nghiên cứu cũng cho đây là số phận mà người phụ nữ phải chấp nhận. Cũng có ý kiến đưa ra về nguyên nhân xã hội, do chính nam giới, do thế lực công quyền, do áp lực về mặt tinh thần, phong tục tập quán kỳ thị người phụ nữ... Nhưng họ không chỉ ra con đường giải thoát cho phụ nữ, coi đó là lệch pha, là trái với truyền thống dân tộc, trái với đạo lý Việt Nam...

Về bức tranh mờ nhạt của phụ nữ trong việc tham gia công việc của cộng đồng, thôn xóm, người ta thường chỉ nói đến việc phụ nữ tham gia đánh giặc khi có chiến tranh, họ phục vụ tiền tuyến và đảm nhận công việc làng xã khi nam giới đi vắng. Nhưng khi hoà bình lập lại thì bà chủ tịch xã lại trở về với gia đình, vì hình như thế mới đúng với vị trí của họ, với khả năng của họ, công việc xã hội phải

dành cho nam giới. Những sự hy sinh cho đất nước được ca tụng, nhưng thực tế đời sống của họ sau đó có được cải thiện hơn trước không, có đỡ vất vả, tủi nhục, hèn kém không? Xã hội *phải công bằng*, không thể chỉ một chiều đòi hỏi sự đóng góp mà không có sự bù đắp, bồi dưỡng cần thiết cho chị em.

Điểm yếu nhất đáng chú ý là việc nghiên cứu người phụ nữ như một *chủ thể sáng tạo* ít được đặt ra. Người ta thường quan niệm *nam giới là chủ thể, phụ nữ chỉ là đối tượng*. Đối tượng bị sai khiến, bị phụ thuộc vào chủ thể. Chủ thể ra quyết định và chi phối đối tượng từ trong gia đình đến đời sống xã hội.

Đã mấy nhà nghiên cứu trong lịch sử nước ta đề cập đến *vai trò phụ nữ trong sáng tạo văn hóa*, giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam? Người ta cho rằng phụ nữ suốt ngày bận bịu với con cái, bếp núc, lại lo làm kinh tế gia đình, trình độ văn hóa thì thấp, làm sao sáng tạo ra được văn hóa. Nhưng trong thực tế, qua việc tiếp xúc với cuộc sống đa dạng thường ngày, trong sản xuất, trong nuôi dạy con cái, *người phụ nữ đã truyền đạt, giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa Việt Nam*. Họ đóng góp, làm giàu nền văn hóa đó, mặc dù họ không biết hay ít biết làm thơ, viết chuyện, tiểu thuyết... Họ đã giữ gìn, *xây dựng nhân cách con người Việt Nam* qua tấm gương sống và làm việc của bản thân. Ngay việc duy trì tôn giáo phổ biến ở Việt Nam là *thờ cúng tổ tiên*, làm giỗ tết, thắp hương ngày rằm, mồng một, một phong tục đáng quý của nhân dân

ta, thì người đã quan tâm và lo lắng nhiều nhất chính là người phụ nữ.

Phụ nữ sáng tạo trong lao động. Vai trò sáng kiến của phụ nữ trong việc làm ra của cải vật chất, nuôi sống gia đình đã được đánh giá như thế nào khi 65% lao động trong nông nghiệp, ngành sản xuất chính của Việt Nam, vẫn do phụ nữ đảm nhiệm? Những sáng kiến để tăng năng suất, cải tạo cây trồng, vật nuôi, người ta thường chỉ nhắc đến sáng kiến của nam giới, còn phụ nữ thì vai trò nổi bật vẫn là đẻ con, nuôi con và làm việc theo kinh nghiệm cũ, theo sự chỉ đạo của người chồng!

Phụ nữ trong sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng đất nước. Trong việc bảo vệ quê hương đất nước, một số nhân vật nữ xuất sắc như Bà Trưng, Bà Triệu... thường được ngợi ca. Nhưng với đông đảo phụ nữ bình thường, vai trò của họ trong chiến đấu chống ngoại xâm, nuôi dạy, thúc đẩy con cái hy sinh vì Tổ quốc, đồng thời đảm nhiệm công việc của xóm làng khi nam giới ra tiền tuyến... thì chưa được đề cập đúng mức.

Người ta ca tụng tinh thần hy sinh, chịu đựng gian khổ của chị em, nhưng lại chưa nói đến *vai trò sáng tạo của họ trong những vấn đề trọng đại của Tổ quốc*, hình như chỉ có nam giới có khả năng và sáng kiến làm được những việc này. Người ta nghĩ rằng lúc chiến tranh thiếu nam giới ở hậu phương, đành phải để phụ nữ lãnh đạo công việc làng xã, phố phường. Họ thiếu sáng kiến, kém tháo vát nên khi hoà bình lập lại, họ phải trở về vị trí cũ là làm bếp và lo gia đình, còn việc

của làng xã phải trả về cho nam giới!

Những nhà nghiên cứu khoa học về phụ nữ *chủ yếu là nam giới*, đội ngũ đông đảo gấp bội so với nữ. Vì vậy, tất nhiên họ thường *đứng trên quan điểm nam giới để nghiên cứu phụ nữ*, với xu hướng bênh vực nam, dễ dàng chấp nhận những lý lẽ dẫn đến sự thua thiệt của nữ, không thừa nhận rằng khi có đủ điều kiện, cơ hội, thì trình độ, khả năng của nữ sẽ bằng nam giới, xét về các giá trị tinh thần, trí tuệ thông minh, sự tháo vát... Họ dễ dàng đồng tình với những thiên kiến coi thường người phụ nữ, bỏ qua những quyền lợi, nguyện vọng của chị em. Việc nghiên cứu thường bao giờ cũng có *tính kế thừa*. Họ kế thừa những tài liệu của người đi trước để lại, mà những tài liệu này thường có tính chất phân biệt giới rõ ràng.

3.2. Hiện nay những bộ môn KHXH nghiên cứu nhiều về phụ nữ, về giới thường là các môn xã hội học, tâm lý học, lịch sử, văn hóa, đặc biệt tập trung ở các môn phụ nữ học và xã hội học về giới. Những kết quả nghiên cứu chung về con người cũng hỗ trợ cho việc nghiên cứu về phụ nữ và bình đẳng giới, với cái nhìn khoa học, khách quan, không thiên kiến.

Lĩnh vực *tâm lý học* đang có những cố gắng trong việc giải thích sự hình thành tâm lý nam và tâm lý nữ, sự khác nhau về giống, sự phân biệt về giới, qua cuộc thảo luận về *cái sẵn có và cái đạt được*. Quan điểm cho rằng những đặc điểm về giới là những yếu tố bẩm sinh đã bị thất bại, qua việc thừa nhận ảnh hưởng của việc *xã hội*

hóa và tập luyện trong quá trình hình thành nhân cách con người.

Những đặc điểm về tính cách của bé trai khác bé gái chính là do cha mẹ dạy dỗ, uốn nắn từ thuở ấu thơ; nhà trường, xã hội động viên, khuyến khích. Quá trình tập luyện dần dần đã hình thành sự khác nhau về tâm lý và tính cách của con trai và con gái. Các nhà tâm lý học đã phân tích nhiều yếu tố hợp thành *bản lĩnh xã hội* của con người khác với bản lĩnh tự nhiên, do hoàn cảnh, điều kiện khách quan, chủ quan, do tập luyện và tác động của quá trình xã hội hóa...

Nhiều nhà triết học và xã hội học đã nghiên cứu *vai trò của giới*, các tư tưởng, quan điểm đối xử với nam giới khác với nữ giới ở các gia đình đã dẫn đến sự không bình đẳng về giới trong việc học tập của con trai, con gái, trong phân công lao động vào các ngành nghề, trong tham gia hoạt động chính trị... Các nhà khoa học đã lưu ý đến những đặc điểm cơ bản của vai trò giới, *giới quyết định cách ứng xử xã hội*.

Nhiều nhà *kinh tế học* đã nghiên cứu mối liên quan giữa sản xuất, tái sản xuất, việc làm, kinh doanh của hai giới nam và nữ, đã *gắn vấn đề giới với vấn đề quyền lực trong hoạt động kinh tế* tại gia đình và trong cộng đồng. Những điều kiện lao động của nữ ở các ngành nghề, lương bổng thu nhập của nữ phổ biến thấp hơn nam, việc đào tạo học nghề ít được chú ý... Sự cống hiến của phụ nữ bị bỏ qua trong việc tính toán tổng sản phẩm quốc dân, do việc đã không tính đến những đóng

góp của phụ nữ trong *những công việc không được trả công* như làm nội trợ gia đình, chăm sóc trẻ em, người già, người ốm, giúp đỡ cộng đồng thôn xóm,...

Những nghiên cứu về *giáo dục học* chỉ ra rằng trình độ học vấn từng giới gắn với *vấn đề sức khoẻ*, những thành tựu y tế và phúc lợi xã hội. Những năm gần đây, việc tính toán *chỉ số phát triển con người* (HDI) do Liên hiệp quốc đưa ra để hiểu được sự phát triển kinh tế, văn hóa đã cải thiện đời sống người dân như thế nào, lại gắn với *chỉ số phát triển giới* (GDI) thể hiện mức sống của người phụ nữ. Sự cách biệt giữa hai giới càng cao thì chỉ số phát triển của người phụ nữ càng ở mức độ thấp so với chỉ số phát triển người nói chung. Ở Việt Nam năm 2001 chỉ số GDI được xếp 89 trong 146 nước, còn chỉ số HDI xếp 109 trong 173 nước. Điều này nói lên rằng trong khi đời sống còn nhiều khó khăn nhưng sự bình đẳng giới ở nước ta đã được thực hiện tốt hơn.

Về *mặt luật học và chính trị học*, những nghiên cứu về luật pháp, về sự tham gia chính trị của phụ nữ những năm gần đây nói lên nhiều điểm tiến bộ. Những thay đổi trong luật pháp nhằm bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ đã thúc đẩy sự bình đẳng về giới, tạo cơ hội thuận lợi cho sự phát triển của phụ nữ. Đồng thời những nghiên cứu đó cũng chỉ ra nhiều điểm thiếu sót. Có những vấn đề luật pháp đã ghi nhận từ lâu nhưng cơ chế, chính sách thực hiện lại thiếu hoặc không cụ thể, ví dụ quyền sử dụng đất đai của vợ và

chồng trong hộ gia đình, rút cục trong nhiều trường hợp quyền quyết định, bán mua, sử dụng vẫn thuộc quyền người chồng.

Sự phân tích dựa trên cơ sở giới thực tế là một hướng dẫn quan trọng trong quá trình *đưa ra các quyết định chính trị*. Các nhà chính trị có thể xác định cụ thể vấn đề *công bằng xã hội*, xác định rõ những vấn đề cần lựa chọn, những điều cần chú ý và đánh giá kết quả các chính sách chính trị được ban hành.

3.3. Đặc điểm của việc nghiên cứu về giới đòi hỏi *cách tiếp cận liên ngành, đa liên hệ* của các hiện tượng xã hội. Các nhà khoa học cần có quan điểm nghiên cứu *xuyên ngành* và chấp nhận cách tiếp cận toàn tiến, cùng tiến và hỗ trợ cho nhau.

Chính nhờ xu thế nghiên cứu *đa ngành* mà việc nghiên cứu về giới cho phép gắn kết với nhau các môn KHXH có tính cá biệt và đặc thù nhất. Việc trao đổi ý kiến và hợp tác giữa các nhà khoa học ở các bộ môn khác nhau là yếu tố cơ bản để các *chương trình nghiên cứu xâm nhập vào nhau*. Kết quả là chúng đem lại những cống hiến tốt hơn trong việc đề xuất các chính sách chính trị và các chương trình phát triển xã hội đúng đắn, có hiệu quả.

Hiện nay quan điểm về giới và hoạt động giới được sử dụng như một quan điểm quan trọng, xuyên suốt các bộ môn KHXH. Về bản chất nó có tính *liên ngành* và gắn với các *hoạt động xã hội thực tiễn*. Đó là những đòi hỏi và thách thức mới đối với các KHXH và nhân văn của nước ta ♦